

**Superior Court of Washington
For Pierce County**

**TÒA THƯỢNG THẨM TIỂU BANG
WASHINGTON TẠI QUẬN PIERCE**

State of Washington

****Tiểu Bang Washington** _____,

Plaintiff/** Nguyên đơn

vs./**truy tố

_____.

Defendant/** Bị can

No.

Vụ số:

**Statement of Defendant on Plea of
Guilty to Non-Sex Offense
(STTDFG)**

****TỜ KHAI CỦA BỊ CAN VỀ VIỆC NHẬN
TỘI KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN TÌNH DỤC
(STTDFG)**

1. My true name is: _____.
**Tên thật của tôi là: _____.

2. My age is: _____.
**Tuổi tôi là: _____.

3. The last level of education I completed was _____.
**Trình độ học vấn cao nhất tôi đã hoàn thành là: _____.

4. **I Have Been Informed and Fully Understand That:**
****Tôi đã được thông báo và hiểu rõ hoàn toàn rằng:**

(a) I have the right to representation by a lawyer and that if I cannot afford to pay for a lawyer, one will be provided at no expense to me. My lawyer's name is: _____.
**Tôi có quyền được luật sư biện hộ và nếu tôi không có tiền để trả cho luật sư thì sẽ có một luật sư được chỉ định cho tôi mà tôi không phải mất tiền. Luật sư của tôi tên là:
_____.

(b) I am charged with the crime(s) of: _____

as set out in the _____ Information, dated, _____, a copy of which I hereby acknowledge previously receiving and reviewing with my lawyer. _____
(Defendant's initials)

The elements of [] this crime [] these crimes
are as set out in the _____ Information, dated _____ a copy of which I hereby acknowledge previously receiving and reviewing with my lawyer. _____
(Defendant's initials)

_____ Additional counts are addressed in Attachment "B"

**Tôi bị ghép (những) tội _____
theo đã ghi trong cáo trạng _____, đề ngày _____, tôi có nhận một
bản sao này và đã xem qua với luật sư của tôi. _____
(Chữ ký tắt của bị can)

Các yếu tố của [] tội này, [] những tội này
được ghi rõ trong giấy thông báo tội danh _____ đề ngày _____, và nay
tôi công nhận đã nhận được một bản sao và xem qua giấy đó cùng với luật sư của
tôi. _____
(Chữ ký tắt của bị can)

_____ Có thêm các khoản tội trong Phụ Lục "B"

5. I Understand I Have the Following Important Rights, and I Give Them Up by Pleading Guilty:

****Tôi hiểu rằng tôi có những quyền quan trọng sau, và rằng tôi từ bỏ tất cả những quyền này khi nhận tội:**

- (a) The right to a speedy and public trial by an impartial jury in the county where the crime is alleged to have been committed
**Quyền được có một phiên xử nhanh chóng và công khai trước một bồi thẩm đoàn không thiên vị tại quận nơi sự việc đã xảy ra.
- (b) The right to remain silent before and during trial, and the right to refuse to testify against myself;
Quyền được im lặng trước và trong khi xử, và quyền được từ chối khai báo những gì có thể dùng để buộc tội tôi.
- (c) The right at trial to hear and question the witnesses who testify against me;
**Quyền được chất vấn các nhân chứng khai trước tòa để buộc tội tôi.
- (d) The right at trial to testify and to have witnesses testify for me. These witnesses can be made to appear at no expense to me;
**Quyền được đưa ra lời khai trong phiên xử và mang nhân chứng ra tòa để khai giúp cho tôi. Những nhân chứng này được mời ra tòa không phải do tôi đài thọ.
- (e) The right to be presumed innocent unless the State proves the charge beyond a reasonable doubt or I enter a plea of guilty;
**Quyền được xem là người vô tội trừ khi khoản tội ghép cho tôi đã được chứng minh không còn lý do hợp lý nào để nghi ngờ nữa, hoặc trừ khi tôi tự nhận tội.

- (f) The right to appeal a finding of guilt after a trial as well as other pretrial motions such as time for trial challenges and suppression issues.
 **Quyền chống án sau khi bị kết án trong một phiên xử, cũng như chống lại các kiến nghị trước khi xử, ví dụ như thời gian xử án hay các vấn đề loại bỏ bằng chứng.

**6. In Considering the Consequences of My Guilty Plea, I Understand That:
 Khi cân nhắc các hậu quả trong việc nhận tội, tôi hiểu rằng:**

- (a) Each crime with which I am charged carries a maximum sentence, a fine, and a **Standard Sentence Range** as follows:
 Mỗi tội đang ghép cho tôi có mức phạt tù và phạt tiền tối đa cũng như **Thời Hạn Bản Án Chuẩn như sau:

COUNT NO.	OFFENDER SCORE	STANDARD RANGE ACTUAL CONFINEMENT (not including enhancements)	PLUS Enhancements*	COMMUNITY CUSTODY RANGE (Only applicable for crimes committed on or after July 1, 2000. For crimes committed prior to July 1, 2000, see paragraph 6(f).)	MAXIMUM TERM AND FINE
1					
2					
3					

*The sentencing enhancement codes are: (RPh) Robbery of a pharmacy, (CSG) Criminal street gang involving minor, (AE) Endangerment while attempting to elude. The following enhancements will run consecutively to all other parts of my entire sentence, including other enhancements and other counts: (F) Firearm, (D) Other deadly weapon, (V) VUCSA in protected zone, (JP) Juvenile present, (VH) Vehicular Homicide, see RCW 46.61.520, (SM) Sexual Motivation, RCW 9.94A.533(8), (SCF) Sexual conduct with a child for a fee, RCW 9.94A.533(9), (P16) Passenger(s) under age 16.

TỘI SỐ	SỐ ĐIỂM CỦA BỊ CAN	THỜI HẠN BẢN ÁN CHUẨN THỜI GIAN THỰC SỰ Ở TÙ (không kể các gia tăng)	THÊM gia tăng*	THỜI HẠN BỊ QUẢN CHẾ (Chỉ áp dụng cho các tội phạm vào hoặc sau ngày 1 tháng 7 năm 2000. Đối với những tội phạm trước ngày 1 tháng 7 năm 2000, xem đoạn 6(f).)	THỜI GIAN TÙ VÀ TIỀN PHẠT TỐI ĐA
1					
2					
3					

**Các mã về bản án có gia tăng là: (RPh) cướp tiệm thuốc tây, (CSG) băng đảng đường phố có trẻ vị thành niên, (AE) gây nguy hại trong khi chạy trốn. Các gia tăng sau đây sẽ được thụ án nối tiếp theo tất cả những phần khác của bản án, bao gồm các gia tăng và tội trạng khác: (F) có súng, (D) các vũ khí khác có thể gây thiệt mạng, (V) VUCSA trong vùng được bảo vệ, (JP) có sự hiện diện của trẻ vị thành niên, (VH) gây án mạng bằng xe, xem RCW 46.61.520, (SM) động lực tình dục, RCW 9.94A.533(8), (SCF) có hành vi tình dục với trẻ con phải trả tiền, RCW 9.94A.533(9), (P16) có (những) người trong xe dưới 16 tuổi.

- (b) The standard sentence range is based on the crime charged and my criminal history. Criminal history includes prior convictions and juvenile adjudications or convictions, whether in this state, in federal court, or elsewhere.
**Thời hạn bản án tiêu chuẩn được căn cứ trên tội bị ghép và hồ sơ tiền án của tôi. Hồ sơ tiền án gồm những lần bị kết án trước và những lần bị xét xử hay kết án khi còn vị thành niên, kể cả ở tòa liên bang, tại tiểu bang này hay tiểu bang khác.
- (c) The prosecuting attorney's statement of my criminal history is attached to this statement. Unless I have attached a different statement, I agree that the prosecuting attorney's statement is correct and complete. If I have attached my own statement, I assert that it is correct and complete. If the prosecutor and I disagree about the computation of the offender score, I understand that this dispute will be resolved by the court at sentencing. I waive any right to challenge the acceptance of my guilty plea on the grounds that my offender score or standard range is lower than what is listed in paragraph 6(a). If I am convicted of any additional crimes between now and the time I am sentenced, I am obligated to tell the sentencing judge about those convictions.
**Hồ sơ tiền án của tôi từ phòng biện lý được kèm theo tờ nhận tội này. Trừ khi tôi có một hồ sơ nào khác, tôi đồng ý là hồ sơ từ phòng biện lý là đúng và đầy đủ. Nếu tôi có đính kèm hồ sơ tiền án riêng, tôi cam đoan là hồ sơ của tôi là đúng và đầy đủ. Nếu tôi và biện lý không đồng ý về việc tính điểm cho bị can, tôi hiểu rằng sự bất đồng này sẽ được tòa án giải quyết khi kêu án. Tôi từ bỏ quyền phản đối việc tòa án chấp nhận lời nhận tội của tôi vì lý do điểm của tôi hoặc thời hạn bản án tiêu chuẩn lẽ ra phải thấp hơn các con số ghi trong đoạn 6(a). Nếu tôi bị kết án về bất cứ các tội nào khác từ hôm nay đến ngày kêu án, tôi có nhiệm vụ phải báo cho vị chánh án kêu án tôi về những bản án đó.
- (d) If I am convicted of any new crimes before sentencing, or if any additional criminal history is discovered, both the standard sentence range and the prosecuting attorney's recommendation may increase. Even so, my plea of guilty to this charge is binding on me. I cannot change my mind if additional criminal history is discovered even though the standard sentencing range and the prosecuting attorney's recommendation increase or a mandatory sentence of life imprisonment without the possibility of parole is required by law.
**Nếu tôi bị kết án thêm tội nào khác trước ngày kêu án, hoặc nếu người ta phát hiện thêm tội khác trong hồ sơ tiền án, thời hạn bản án tiêu chuẩn và sự đề nghị của biện lý có thể gia tăng. Dù có như thế thì tôi không được rút lại lời nhận tội của tôi. Tôi không được đổi ý nếu có thêm tội trạng trong hồ sơ tiền án, ngay cả khi điều đó dẫn đến việc gia tăng thời hạn của bản án tiêu chuẩn và sự đề nghị của biện lý, hay bản án sẽ là bản án tù chung thân mà không có khả năng được tha tù sớm theo luật.
- (e) In addition to sentencing me to confinement, the judge will order me to pay \$500.00 as a victim's compensation fund assessment and any mandatory fines or penalties that apply to my case. If this crime resulted in injury to any person or damage to or loss of property, the judge will order me to make restitution, unless extraordinary circumstances exist which make restitution inappropriate. The amount of restitution may be up to double my gain or double the victim's loss. The judge may also order that I pay a fine, court costs, attorney fees and the costs of incarceration.
**Ngoài việc ra án tù, tòa án sẽ buộc tôi trả \$500.00 vào quỹ bồi thường nạn nhân cộng với bất cứ lệ phí hoặc tiền phạt bắt buộc nào áp dụng cho vụ án của tôi. Nếu vụ này có gây thương tích cho bất cứ ai hay có làm hư hại, mất mát tài sản, tòa án sẽ buộc tôi trả tiền bồi

thường, trừ khi có trường hợp ngoại lệ và việc bồi thường không còn thích hợp. Tòa cũng có thể buộc tôi phải đóng tiền phạt, lệ phí tòa án, tiền luật sư và phí tổn giam giữ.

- (f) **For crimes committed prior to July 1, 2000:** In addition to sentencing me to confinement, the judge may order me to serve up to one year of community custody if the total period of confinement ordered is not more than 12 months. If the total period of confinement is more than 12 months, and if this crime is a drug offense, assault in the second degree, assault of a child in the second degree, or any crime against a person in which a specific finding was made that I or an accomplice was armed with a deadly weapon, the judge will order me to serve at least one year of community custody. If this crime is a vehicular homicide, vehicular assault, or a serious violent offense, the judge will order me to serve at least two years of community custody. The actual period of community custody may be longer than my earned early release period. During the period of community custody, I will be under the supervision of the Department of Corrections, and I will have restrictions and requirements placed upon me.

****Đối với những tội đã phạm trước ngày 1 tháng 7, 2000:** Ngoài việc ra án tù, tòa có thể ra lệnh quản chế đến một năm nếu thời gian ở tù tổng cộng không quá 12 tháng. Nếu thời gian ở tù hơn 12 tháng, và nếu đây là tội về ma túy, tội hành hung bậc hai, tội hành hung trẻ con bậc hai, hay bất cứ tội nào khác đối với con người trong đó tòa án xác nhận rằng tôi hay đồng lõa có trang bị một vũ khí có thể gây thương vong, thì tòa sẽ ra lệnh quản chế ít nhất một năm. Nếu đây là tội gây án mạng bằng xe, hành hung bằng xe, hay một tội dùng bạo lực trầm trọng, tòa sẽ ra lệnh quản chế ít nhất hai năm. Thời gian thực sự bị quản chế có thể lâu hơn thời gian được giảm bớt án tù vì có hạnh kiểm tốt. Trong thời gian bị quản chế, tôi phải chịu sự quản lý của Sở Cải Huấn và phải tuân theo các giới hạn và yêu cầu của Sở.

For crimes committed on or after July 1, 2000: In addition to sentencing me to confinement, under certain circumstances the judge may order me to serve up to one year of community custody if the total period of confinement ordered is not more than 12 months, but only if the crime I have been convicted of falls into one of the offense types listed in the following chart. For the offense of failure to register as a sex offender, regardless of the length of confinement, the judge will sentence me for up to 12 months of community custody. If the total period of confinement ordered is more than 12 months, and if the crime I have been convicted of falls into one of the offense types listed in the following chart, the court will sentence me to community custody for the term established for that offense type unless the judge finds substantial and compelling reasons not to do so. If the period of earned release awarded per RCW 9.94A.728 is longer, that will be the term of my community custody. If the crime I have been convicted of falls into more than one category of offense types listed in the following chart, then the community custody term will be based on the offense type that dictates the longest term of community custody.

****Đối với những tội đã phạm vào hoặc sau ngày 1 tháng 7, 2000:** Ngoài việc ra án tù, trong một vài trường hợp tòa có thể ra lệnh quản chế đến một năm nếu thời gian ở tù tổng cộng không quá 12 tháng, nhưng chỉ khi nào tội mà tôi bị kết án thuộc một trong những loại tội liệt kê trong bảng dưới đây. Đối với tội không chịu ghi danh là người phạm tội về tình dục, tòa sẽ ra lệnh quản chế đến 12 tháng không kể thời gian phạt tù là bao nhiêu. Nếu thời gian tù trên 12 tháng, và nếu tội mà tôi bị kết án thuộc một trong những loại tội liệt kê trong bảng dưới đây, tòa sẽ ra lệnh quản chế theo thời hạn ấn định cho loại tội đó trừ khi tòa xác nhận có lý do rõ rệt và chính đáng để tin rằng việc ấy không cần thiết. Nếu thời gian được giảm bớt án tù vì hạnh kiểm tốt theo RCW 9.94A.728 lâu hơn thời gian quản chế ấn định

thì tôi sẽ phải chịu quản chế trong suốt thời gian được tha tù sớm. Nếu tội mà tôi bị kết án có trong nhiều hơn một loại tội liệt kê trong bảng dưới đây, tòa sẽ ra lệnh quản chế theo loại tội được ấn định thời hạn quản chế lâu nhất.

OFFENSE TYPE	COMMUNITY CUSTODY TERM
Serious Violent Offenses as defined by RCW 9.94A.030(45)	36 months
Violent Offenses as defined by RCW 9.94A.030(54)	18 months
Crimes Against Persons as defined by RCW 9.94A.411(2)	12 months
Offenses under Chapter 69.50 or 69.52 RCW (not sentenced under RCW 9.94A.660)	12 months
Offenses involving the unlawful possession of a firearm where the offender is a criminal street gang member or associate	12 months

LOẠI TỘI	THỜI HẠN QUẢN CHẾ
Tội sử dụng bạo lực trầm trọng theo RCW 9.94A.030(45)	36 tháng
Tội sử dụng bạo lực theo RCW 9.94A.030(54)	18 tháng
Tội đối với con người theo RCW 9.94A.411(2)	12 tháng
Tội trong Đoạn 69.50 hay 69.52 RCW (không bị kêu án theo RCW 9.94A.660)	12 tháng
Tội liên quan đến việc có súng bất hợp pháp và người phạm tội là thành viên của băng đảng hay người liên hệ với băng đảng	12 tháng

Certain sentencing alternatives may also include community custody.

**Một số các hình phạt thay thế cho bản án cũng gồm việc bị quản chế.

During the period of community custody I will be under the supervision of the Department of Corrections, and I will have restrictions and requirements placed upon me, including additional conditions of community custody that may be imposed by the Department of Corrections. My failure to comply with these conditions will render me ineligible for general assistance, RCW 74.04.005(6)(h), and may result in the Department of Corrections

transferring me to a more restrictive confinement status or other sanctions.

****Trong thời gian quản chế, tôi phải chịu sự quản lý của Sở Cải Huấn và phải theo những yêu cầu và giới hạn của Sở, gồm cả những điều kiện quản chế thêm mà Sở Cải Huấn có thể đưa ra. Việc không theo đúng những điều kiện trên sẽ khiến tôi mất tiêu chuẩn để hưởng trợ cấp xã hội tổng quát, RCW 74.04.005(6)(h), và có thể dẫn đến việc Sở Cải Huấn đưa tôi đến một nơi tù có nhiều giới hạn hơn hoặc áp đặt các hình phạt khác.**

If I violate the conditions of my community custody, the Department of Corrections may sanction me up to 60 days confinement per violation and/or revoke my earned early release, or the Department of Corrections may impose additional conditions or other stipulated penalties. The court also has the authority to impose sanctions for any violation.

****Nếu tôi vi phạm các điều kiện quản chế, Sở Cải Huấn có thể phạt tù đến 60 ngày cho mỗi vi phạm và/hoặc hủy bỏ thời gian giảm bớt án tù mà tôi đã có quyền hưởng, hay Sở Cải Huấn có thể đặt thêm điều kiện hay các hình phạt đã định trước. Tòa cũng có quyền áp đặt những hình phạt cho mỗi lần vi phạm.**

(g) The prosecuting attorney will make the following recommendation to the judge:

The prosecutor will recommend as stated in the plea agreement, which is incorporated by reference.

****Biện lý sẽ đưa đề nghị sau lên tòa:**

****[] Biện lý sẽ đề nghị như có ghi trong Tờ ung thuận nhận tội, được hợp nhất vào văn bản này qua việc dẫn chiếu.**

(h) **The judge does not have to follow anyone's recommendation as to sentence.** The judge must impose a sentence within the standard range unless the judge finds substantial and compelling reasons not to do so. I understand the following regarding exceptional sentences:

****Tòa án không bắt buộc nghe theo lời đề nghị của bất cứ ai về bản án.** Tòa phải ra một bản án nằm trong giới hạn của bản án tiêu chuẩn trừ khi tòa xác nhận có lý do rõ rệt và chính đáng là không cần theo. Tôi hiểu rằng những điều dưới đây áp dụng cho các bản án ngoại lệ:

(i) The judge may impose an exceptional sentence below the standard range if the judge finds mitigating circumstances supporting an exceptional sentence.

****Tòa có thể ra một bản án ngoại lệ dưới giới hạn của bản án tiêu chuẩn nếu tòa thấy có những trường hợp giảm khinh là đủ cơ sở để ra bản án ngoại lệ này.**

- (ii) The judge may impose an exceptional sentence above the standard range if I am being sentenced for more than one crime and I have an offender score of more than nine.
**Tòa có thể ra một bản án ngoại lệ cao hơn giới hạn của bản án tiêu chuẩn nếu tôi bị kê án nhiều hơn một tội và có số điểm phạm pháp trên 9.
- (iii) The judge may also impose an exceptional sentence above the standard range if the State and I stipulate that justice is best served by imposition of an exceptional sentence and the judge agrees that an exceptional sentence is consistent with and in furtherance of the interests of justice and the purposes of the Sentencing Reform Act.
**Tòa cũng có thể ra một bản án cao hơn giới hạn của bản án tiêu chuẩn nếu phía biện lý và tôi đồng ý rằng bản án ngoại lệ này là công bằng và tòa đồng ý là bản án ngoại lệ này phù hợp cho việc thi hành công lý theo mục đích của Đạo Luật Cải Cách Việc Kêu Án.
- (iv) The judge may also impose an exceptional sentence above the standard range if the State has given notice that it will seek an exceptional sentence, the notice states aggravating circumstances upon which the requested sentence will be based, and facts supporting an exceptional sentence are proven beyond a reasonable doubt to a unanimous jury, to a judge if I waive a jury, or by stipulated facts.
**Tòa cũng có thể ra một bản án ngoại lệ cao hơn giới hạn của bản án tiêu chuẩn nếu biện lý thông báo với tòa rằng họ sẽ yêu cầu bản án này, và trong thông báo ghi rõ các trường hợp gia trọng để làm căn cứ cho bản án được yêu cầu, và những yếu tố cho bản án ngoại lệ đã được chứng minh là sự thật không còn lý do hợp lý nào để nghi ngờ thông qua sự chấp nhận thống nhất của một bồi thẩm đoàn (hoặc một thẩm phán nếu tôi xin miễn xử án trước bồi thẩm đoàn) hoặc thông qua việc hai bên thỏa thuận rằng những yếu tố đó là sự thật.

If the court imposes a standard range sentence, then no one may appeal the sentence. If the court imposes an exceptional sentence after a hearing, either the State or I can appeal the sentence.

**Nếu tòa ra một bản án trong giới hạn của bản án tiêu chuẩn thì không có ai được chống án. Nếu tòa ra một bản án ngoại lệ sau một phiên tòa thì phòng biện lý hay tôi đều có quyền chống án.

- (i) **If I am not a citizen of the United States**, a plea of guilty to an offense punishable as a crime under state law is grounds for deportation, exclusion from admission to the United States, or denial of naturalization pursuant to the laws of the United States.
**Nếu tôi không phải là công dân Hoa Kỳ, việc nhận một khoản tội có thể bị phạt theo luật pháp tiểu bang thì đó có thể là lý do khiến tôi bị trục xuất, không cho trở lại nước Mỹ hay bị từ chối không cho nhập tịch theo luật pháp Hoa Kỳ.
- (j) **I may not possess, own, or have under my control any firearm, and under federal law any firearm or ammunition**, unless my right to do so is restored by the court in which I am convicted or the superior court in Washington State where I live, and by a federal court if required. I must immediately surrender any concealed pistol license.

****Tôi không thể có, không thể sở hữu hay không thể sử dụng bất cứ loại súng nào, và theo luật liên bang thì không thể có bất kỳ loại súng đạn nào cả, trừ khi quyền có súng được phục hồi do tòa án kết án cho tôi hay do Tòa thượng thẩm tiểu bang Washington nơi tôi cư ngụ, và bởi tòa liên bang khi cần có lệnh của họ. Tôi phải tức khắc giao nộp giấy cho phép mang súng của tôi, nếu có.**

- (k) **Loss of voting rights –Acknowledgment, RCW 10.64.140:** After conviction of a felony, or entry of a plea of guilty to a felony, your right to vote is immediately revoked and any existing voter registration is cancelled. Pursuant to RCW 29A.08.520, after you have completed all periods of incarceration imposed as a sentence, and after all community custody is completed and you are discharged by the Department of Corrections, your voting rights are automatically restored on a provisional basis. You must then reregister to be permitted to vote.

Failure to pay legal financial obligations, or comply with an agreed upon payment plan for those obligations, can result in your provisional voting right being revoked by the court.

Your right to vote may be fully restored by (i) a certificate of discharge issued by the sentencing court, as provided in RCW 9.94A.637; (ii) a court order issued by the sentencing court restoring the right, as provided in RCW 9.92.066; (iii) a final order of discharge issued by the indeterminate sentence review board, as provided in RCW 9.96.050; or (iv) a certificate of restoration issued by the governor, as provided in RCW 9.96.020.

Voting before the right is either provisionally or fully restored is a class C felony under RCW 29A.84.660.

****Mất quyền bỏ phiếu–Chiếu theo RCW 10.64.140:** Sau khi bị kết án một tội đại hình hoặc sau khi nhận một tội đại hình, quý vị lập tức bị mất quyền bỏ phiếu và tên của quý vị trong danh sách cử tri, nếu có, sẽ bị gạt bỏ. Theo luật RCW 29A.08.520, sau khi quý vị hoàn tất toàn bộ thời hạn bị giam của theo bản án, và sau khi hoàn tất toàn bộ thời hạn quản chế cũng như được Sở Cải Huấn trả tự do, quyền bỏ phiếu của quý vị sẽ được tự động phục hồi trên căn bản tạm thời. Sau đó quý vị phải ghi danh vào danh sách cử tri trở lại.

Nếu không thanh toán các nghĩa vụ tài chính, hoặc không thực hiện theo kế hoạch trả góp các nghĩa vụ tài chính như đã thỏa thuận, tòa án có thể tước đi quyền bỏ phiếu tạm thời của quý vị.

Quyền bỏ phiếu của quý vị có thể được phục hồi toàn bộ với (i) chứng chỉ phục hồi do tòa kêu án ban hành chiếu theo luật RCW 9.94A.637; (ii) một án lệnh của tòa kêu án cho phục hồi quyền này, chiếu theo luật RCW 9.92.066; (iii) một lệnh trả tự do chung cuộc của hội đồng tái xét bản án linh hoạt, chiếu theo luật RCW 9.96.050; hoặc (iv) một chứng chỉ phục hồi quyền bỏ phiếu do thống đốc cấp, chiếu theo luật RCW 9.96.020.

Việc bỏ phiếu trước khi quyền bỏ phiếu được phục hồi toàn bộ hay tạm thời là một tội đại hình loại C, theo luật 29A.84.660.

- (l) **Government assistance may be suspended** during any period of confinement.

- **Trợ cấp của chính phủ có thể bị treo trong thời gian ở tù.**
- (m) **I will be required to have a biological sample collected** for purposes of DNA identification analysis. I will be required to pay a \$100.00 DNA collection fee.
- **Tôi phải cung cấp một mẫu sinh học để có hồ sơ phân tích DNA. Tôi phải trả lệ phí \$100.00 cho việc thu thập mẫu DNA này.**

Notification Relating to Specific Crimes: If any of the following paragraphs *DO NOT APPLY*, counsel and the defendant shall strike them out. The defendant and the judge shall initial all paragraphs that *DO APPLY*.

****Thông báo về một số tội cụ thể: Nếu đoạn nào dưới đây *KHÔNG ÁP DỤNG*, luật sư và bị can sẽ gạch bỏ đoạn đó. Bị can và Chánh án sẽ ký tắt tên vào tất cả những đoạn *ÁP DỤNG*.**

- _____ (n) **This offense is a most serious offense or “strike”** as defined by RCW 9.94A.030, and if I have at least two prior convictions for most serious offenses, whether in this state, in federal court, or elsewhere, the crime for which I am charged carries a mandatory sentence of life imprisonment without the possibility of parole.
- **Tội này là một tội nghiêm trọng nhất còn gọi là “strike”** theo định nghĩa trong luật RCW 9.94A.030, và nếu tôi có ít nhất hai tiền án thuộc loại tội nghiêm trọng nhất, cho dù trong tiểu bang này, ở tòa liên bang hay ở nơi khác, thì khoản tội tôi đang bị ghép sẽ có bản án tù chung thân bắt buộc mà không có khả năng được tha tù sớm.
- _____ (o) **The judge may sentence me as a first-time offender** instead of giving a sentence within the standard range if I qualify under RCW 9.94A.030. This sentence could include as much as 90 days' confinement and up to one year of community custody plus all of the conditions described in paragraph (e). Additionally, the judge could require me to undergo treatment, to devote time to a specific occupation, and to pursue a prescribed course of study or occupational training.
- **Tòa có thể kêu án tôi theo diện người phạm pháp lần đầu** thay vì ra bản án trong giới hạn của bản án tiêu chuẩn nếu tôi có đủ điều kiện theo luật RCW 9.94A.030. Bản án dành cho người phạm pháp lần đầu có thể phạt tù đến 90 ngày và đến một năm bị quản chế, cộng với tất cả các điều kiện ghi trong đoạn (e). Ngoài ra, tòa có thể buộc tôi phải đi cai nghiện, phải bỏ thời gian vào một công việc nào đó, và phải theo học một lớp giáo dục hay một khoá huấn luyện.
- _____ (p) The judge may sentence me under the **Parenting Sentencing Alternative** if I qualify under RCW 9.94A.655. If I am eligible, the judge may order DOC to complete either a risk assessment report or a chemical dependency screening report, or both. If the judge decides to impose the Parenting Sentencing Alternative, the sentence will consist of 12 months of community custody and I will be required to comply with the conditions imposed by the court and by DOC. At any time during community custody, the court may schedule a hearing to evaluate my progress in treatment or to determine if I have violated the conditions of the sentence. The court may modify the conditions of community custody or impose sanctions. If the court finds I violated the conditions or requirements of the sentence or I failed to make satisfactory progress in treatment, the court may order me to serve a term of total confinement within the standard range for my offense.
- **Tòa có thể kêu án cho tôi theo chương trình “Bản Án Thay Thế Dành Cho Các Bậc Cha Mẹ”** nếu tôi hội đủ điều kiện theo luật RCW 9.94A.655. Nếu tôi có đủ điều kiện, tòa có thể ra lệnh cho Sở Cải Huấn lập một báo cáo đầy đủ về rủi ro sa ngã hay một báo cáo về việc đánh giá tình trạng nghiện ma túy/rượu bia, hoặc cả hai. Nếu tòa tuyên án theo Bản Án

Thay Thế Dành Cho Các Bậc Cha Mẹ, thì bản án này sẽ gồm việc bị quản chế 12 tháng và tôi phải tuân theo những điều kiện do tòa án và Sở Cải Huấn áp đặt. Bất cứ lúc nào trong thời gian quản chế, tòa án có thể sắp xếp một phiên tòa để đánh giá các tiến bộ tôi đạt được trong việc cai nghiện hoặc để xác định là tôi có vi phạm các điều kiện trong bản án hay không. Tòa có thể thay đổi các điều kiện quản chế hay đưa ra hình phạt. Nếu tòa thấy rằng tôi đã vi phạm các điều kiện hay những yêu cầu trong bản án, hoặc là tôi không đạt được tiến bộ trong chương trình cai nghiện, tòa có thể buộc tôi phải thi hành trọn vẹn bản án tù trong giới hạn tiêu chuẩn quy định cho tội trạng của tôi.

_____ (q) **If this crime involves kidnapping involving a minor**, including unlawful imprisonment involving a minor who is not my child, I will be required to register where I reside, study or work. The specific registration requirements are set forth in the “Offender Registration” Attachment. These requirements may change at a later date. I am responsible for learning about any changes in registration requirements and for complying with the new requirements.

****Nếu tội này có liên quan đến việc bắt cóc trẻ vị thành niên**, gồm cả việc giam giữ trái phép trẻ vị thành niên không phải là con của tôi, tôi sẽ phải đăng ký nơi cư trú, nơi học hoặc nơi làm việc của tôi. Các yêu cầu chi tiết về việc ghi danh này được giải thích trong phụ lục “Tờ Ghi Danh Người Phạm Pháp”. Những yêu cầu này có thể thay đổi sau này. Tôi có nhiệm vụ phải tìm hiểu về những thay đổi trong việc ghi danh và thi hành những yêu cầu mới.

_____ (r) **If this is a crime of domestic violence**, I may be ordered to pay a domestic violence assessment of up to \$100.00. If I, or the victim of the offense, have a minor child, the court may order me to participate in a domestic violence perpetrator program approved under RCW 26.50.150.

****Nếu tội này là loại tội dùng bạo lực trong gia đình**, tôi có thể bị tòa ra lệnh trả phí phạt bạo lực trong gia đình đến \$100.00. Nếu tôi hoặc nạn nhân trong vụ này có con chưa thành niên, tòa có thể buộc tôi phải tham dự chương trình cố vấn cho người phạm tội bạo lực trong gia đình được chấp thuận theo luật RCW 26.50.150.

_____ (s) **If this crime involves prostitution, or a drug offense associated with hypodermic needles**, I will be required to undergo testing for the human immunodeficiency (HIV/AIDS) virus.

****Nếu tội này có liên quan đến việc mãi dâm hay là tội về ma túy có kim chích**, tôi sẽ bị bắt buộc thử vi rút bệnh liệt kháng (HIV/AIDS).

_____ (t) **The judge may sentence me under the drug offender sentencing alternative (DOSA)** if I qualify under RCW 9.94A.660. If I qualify and the judge is considering a residential chemical dependency treatment-based alternative, the judge may order that I be examined by DOC before deciding to impose a DOSA sentence. If the judge decides to impose a DOSA sentence, it could be either a prison-based alternative or a residential chemical dependency treatment-based alternative.

If the judge imposes the **prison-based alternative**, the sentence will consist of a period of total confinement in a state facility for one-half of the midpoint of the standard range, or 12 months, whichever is greater. During confinement, I will be required to undergo a comprehensive substance abuse assessment and to participate in treatment. The judge will also impose a term of community custody of one-half of the midpoint of the standard range.

If the judge imposes the **residential chemical dependency treatment-based alternative**, the sentence will consist of a term of community custody equal to one-half of the midpoint of the standard sentence range or two years, whichever is greater, and I will have to enter and remain in a certified residential chemical dependency treatment program for a period of **three to six months**, as set by the court.

As part of this sentencing alternative, the court is required to schedule a progress hearing during the period of residential chemical dependency treatment and a treatment termination hearing scheduled three months before the expiration of the term of community custody. At either hearing, based upon reports by my treatment provider and the department of corrections on my compliance with treatment and monitoring requirements and recommendations regarding termination from treatment, the judge may modify the conditions of my community custody or order me to serve a term of total confinement equal to one-half of the midpoint of the standard sentence range, followed by a term of community custody under RCW 9.94A.701.

During the term of community custody for either sentencing alternative, the judge could prohibit me from using alcohol or controlled substances, require me to submit to urinalysis or other testing to monitor that status, require me to devote time to a specific employment or training, stay out of certain areas, pay \$30.00 per month to offset the cost of monitoring and require other conditions, such as affirmative conditions, and the conditions described in paragraph 6(e). The judge, on his or her own initiative, may order me to appear in court at any time during the period of community custody to evaluate my progress in treatment or to determine if I have violated the conditions of the sentence. If the court finds that I have violated the conditions of the sentence or that I have failed to make satisfactory progress in treatment, the court may modify the terms of my community custody or order me to serve a term of total confinement within the standard range.

****Tòa có thể cho tôi bản án thay thế theo chương trình người phạm tội về ma túy (DOSA)** nếu tôi có đủ tiêu chuẩn theo luật RCW 9.94A.660. Nếu tôi hội đủ tiêu chuẩn, và tòa đang cân nhắc việc cho tôi tham gia một chương trình cai nghiện nội trú, tòa có thể yêu cầu Sở Cải Huấn khám nghiệm cho tôi trước khi quyết định tuyên án theo chương trình DOSA. Nếu tòa kêu án tôi theo chương trình DOSA, thì đó có thể là chương trình trong tù hay chương trình cai nghiện nội trú.

Nếu tòa ra án **cai nghiện trong tù**, bản án sẽ quy định việc bị giam giữ liên tục ở tù của tiểu bang trong thời gian bằng phân nửa điểm giữa thời hạn của bản án tiêu chuẩn hay 12 tháng, tính khoản thời gian nào lâu hơn. Trong thời gian ở tù, tôi phải tham gia chương trình đánh giá toàn diện bệnh nghiện ma túy/rượu của tôi cũng như tham gia chương trình cai nghiện. Tòa cũng sẽ ra lệnh quản chế trong thời gian bằng phân nửa điểm giữa thời hạn của bản án tiêu chuẩn.

Nếu tòa ra án tham gia **chương trình cai nghiện nội trú**, bản án sẽ có lệnh quản chế trong thời gian bằng phân nửa điểm giữa thời hạn của bản án tiêu chuẩn hoặc hai năm, dùng khoản thời gian nào lâu hơn, và tôi phải ghi danh và tham gia một chương trình cai nghiện nội trú được chứng nhận, trong thời gian từ **ba đến sáu tháng**, do tòa ấn định

Một phần trong bản án thay thế này là tòa phải lên lịch một phiên tòa để khảo sát tiến bộ trong thời gian tham gia cai nghiện nội trú, và một phiên tòa khác về việc chấm dứt cai nghiện ba tháng trước khi kết thúc thời gian quản chế. Trong những phiên tòa này, tùy theo báo cáo của cơ quan cai nghiện và Sở Cải Huấn về mức độ tuân thủ của tôi đối với chương trình điều trị và các yêu cầu theo dõi cũng như đề nghị của họ về việc kết thúc điều trị, thẩm phán có thể sửa đổi các điều kiện trong lệnh quản chế của tôi hoặc ra lệnh bắt tôi ở tù liên tục trong thời gian bằng phân nửa điểm giữa thời hạn của bản án tiêu chuẩn và sau đó chịu lệnh quản chế chiếu theo luật RCW 9.94A.701.

Cho dù tôi cai nghiện trong tù hoặc trong chương trình nội trú, trong thời gian quản chế tòa cũng có thể cấm tôi dùng rượu hay các chất quốc cấm, yêu cầu tôi phải thực hiện thử nước tiểu hay những thử nghiệm khác để theo dõi tình trạng, yêu cầu tôi phải bỏ thời gian vào một việc làm nhất định hay đi học nghề, không được lái văng đến một số khu vực nhất định, trả \$30.00 mỗi tháng để bù lại một phần chi phí theo dõi, thực hiện những điều kiện khác, bao gồm làm những việc tích cực, và tuân theo những yêu cầu ghi trong đoạn 6(e). Tòa án tùy nghi có thể ra lệnh cho tôi phải có mặt tại tòa bất cứ lúc nào trong thời gian quản chế để đánh giá những tiến bộ của tôi trong việc cai nghiện hay để xem tôi có vi phạm những điều kiện trong bản án hay không. Nếu tòa thấy rằng tôi có vi phạm những điều kiện trong bản án hay tôi không có tiến bộ trong việc cai nghiện, tòa có thể sửa đổi những điều kiện trong lệnh quản chế hay ra lệnh cho tôi phải vào tù trong giới hạn của bản án tiêu chuẩn

- _____ (u) If I am subject to community custody and the judge finds that I have a **chemical dependency** that has contributed to the offense, the judge may order me to participate in rehabilitative programs or otherwise to perform affirmative conduct reasonably related to the circumstances of the crime for which I am pleading guilty.
Nếu trong thời gian quản chế tòa thấy rằng tôi bị **nghiện ma túy/rượu và tình trạng này đã góp phần vào việc tôi phạm tội, tòa có thể ra lệnh cho tôi phải tham gia chương trình cai nghiện hay thực hiện những hành động tích cực có liên quan hợp lý đến các tình tiết xung quanh tội phạm nêu trong tờ nhận tội này.
- _____ (v) If this crime involves the **manufacture, delivery, or possession with the intent to deliver methamphetamine**, including its salts, isomers, and salts of isomers, or amphetamine, including its salts, isomers, and salts of isomers, and if a fine is imposed, \$3,000 of the fine may not be suspended. RCW 69.50.401(2)(b).
**Nếu tội này có liên quan đến việc chế biến, mua bán, hay sở hữu với mục đích mua bán chất methamphetamine, kể cả các muối, chất đồng phân, hay muối của chất đồng phân methamphetamine, hoặc amphetamine và các muối, chất đồng phân, hay muối của chất đồng phân của amphetamine, và tòa ra lệnh đóng tiền phạt thì số tiền \$3,000 trong khoản tiền phạt sẽ không được treo. RCW 69.50.401(2)(b).
- _____ (w) If this crime involves a **violation of the state drug laws**, my eligibility for state and federal food stamps, welfare, and education benefits may be affected. 20 U.S.C. § 1091(r) and 21 U.S.C. § 862a.
Nếu tội này là một **vi phạm về luật ma túy của tiểu bang, quyền được hưởng phiếu thực phẩm, trợ cấp xã hội, và tài trợ giáo dục của tiểu bang hay liên bang có thể bị ảnh hưởng. 20 U.S.C. § 1091(r) and 21 U.S.C. § 862a.
- _____ (x) I understand that RCW 46.20.285(4) requires that my driver's license be revoked if the

judge finds **I used a motor vehicle in the commission of this felony.**

****Tôi hiểu rằng luật RCW 46.20.285(4) quy định việc thu hồi bằng lái xe của tôi nếu tòa thấy rằng tôi đã dùng xe hơi trong việc phạm tội đại hình này.**

- _____ (y) If this crime involves the offense of **vehicular homicide** while under the influence of intoxicating liquor or any drug, as defined by RCW 46.61.502, committed on or after January 1, 1999, an additional two years shall be added to the presumptive sentence for vehicular homicide for each prior offense as defined in RCW 46.61.5055(14).
****Nếu tội này có liên quan đến việc gây án mạng bằng xe trong khi bị say rượu hay say thuốc/ma túy theo định nghĩa của luật RCW 46.61.502 và tội xảy ra vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 1999, bản án tù tiêu chuẩn đối với tội gây án mạng bằng xe sẽ bị tăng thêm hai năm cho mỗi tiền án, theo định nghĩa của luật RCW 46.61.5055(14).**
- _____ (z) If I am pleading guilty to **felony driving under the influence of intoxicating liquor or any drugs, or felony actual physical control** of a motor vehicle while under the influence of intoxicating liquor or any drug, in addition to the provisions of chapter 9.94A RCW, I will be required to undergo alcohol or chemical dependency treatment services during incarceration. I will be required to pay the costs of treatment unless the court finds that I am indigent. My driving privileges will be suspended, revoked or denied. Following the period of suspension, revocation or denial, I must comply with ignition interlock device requirements. In addition to any other costs of the ignition interlock device, I will be required to pay an additional; fee of \$20 per month.
****Nếu tôi nhận tội đại hình về lái xe trong khi bị say rượu hay say bất cứ loại thuốc/ma túy nào, hay tội đại hình về thực sự điều khiển xe trong khi bị say rượu hay say bất cứ loại thuốc/ma túy nào, thì ngoài những điều kiện ghi trong đoạn 9.94A RCW, tôi còn phải tham gia chương trình cai nghiện trong thời gian bị giam. Tôi phải chịu trách nhiệm về phí tổn cai nghiện trừ khi tòa thấy rằng tôi là người túng thiếu. Quyền được lái xe của tôi sẽ bị treo, bị thu hồi hay bị từ chối. Sau thời hạn treo, thu hồi hay từ chối bằng lái đã hết thì tôi vẫn phải tuân thủ các yêu cầu về việc lắp đặt và sử dụng máy đo độ rượu trong xe. Ngoài phí tổn của việc lắp máy này, tôi phải trả thêm phí \$20.00 mỗi tháng.**
- _____ (aa) For the crimes of vehicular homicide committed while under the influence of intoxicating liquor, or any drug defined by RCW 46.61.520 or for vehicular assault committed while under the influence of intoxicating liquor, or any drug as defined by RCW 46.61.522, or for any felony driving under the influence (RCW 46.61.502(6)), or felony physical control under the influence (RCW 46.61.504(6)), the court shall add 12 months to the standard sentence range for each child passenger under the age of 16 who is an occupant in the defendant's vehicle. These enhancements shall be mandatory, shall be served in total confinement, and shall run consecutively to all other sentencing provisions.
****Đối với tội gây án mạng bằng xe trong khi say rượu hoặc say bất cứ loại thuốc/ma túy nào theo định nghĩa của luật RCW 46.61.520, hoặc tội gây thương tích bằng xe trong khi say rượu hoặc say bất cứ loại thuốc/ma túy nào theo định nghĩa của luật RCW 46.61.522, hoặc bất cứ tội đại hình nào về lái xe trong khi bị say rượu hay thuốc (RCW 46.61.502(6)), hoặc tội đại hình về thực sự điều khiển xe trong khi bị say rượu hay thuốc (RCW 46.61.504(6)), tòa sẽ cộng thêm 12 tháng tù vào thời hạn của bản án tiêu chuẩn cho mỗi đứa trẻ dưới 16 tuổi ngồi trong xe của bị can. Khoảng tù gia tăng này là thời hạn ở tù bắt buộc và phải thi hành hoàn toàn trong tù giam, và thụ án nối tiếp với tất cả các điều kiện khác trong bản án.**

- _____ (bb) For the crimes of felony driving under the influence of intoxicating liquor, or any drug, for vehicular homicide while under the influence of intoxicating liquor, or any drug, the court may order me to reimburse reasonable emergency response costs up to \$2,500 per incident.
**Đối với tội đại hình về lái xe trong khi bị say rượu hay say bất cứ loại thuốc/ma túy nào, hoặc tội gây án mạng bằng xe trong khi bị say rượu hay say bất cứ loại thuốc/ma túy nào, tòa có thể ra lệnh cho tôi phải bồi thường tiền xe cứu thương ở mức hợp lý, có thể lên đến \$2,500 cho mỗi vụ.
- _____ (cc) The crime of _____ has a mandatory **minimum sentence** of at least _____ years of total confinement. This law does not apply to crimes committed on or after July 24, 2005, by a juvenile who was tried as an adult after decline of juvenile court jurisdiction. The law does not allow any reduction of this sentence. This mandatory minimum sentence is not the same as the mandatory sentence of life imprisonment without the possibility of parole described in paragraph 6[n].
Tôi _____ có **bản án tối thiểu bắt buộc là ít nhất _____ năm tù ở. Luật này không áp dụng cho những tội phạm vào hoặc sau ngày 24 tháng 7 năm 2005 của một trẻ vị thành niên bị xử với tư cách người trưởng thành sau khi bị tòa thiếu niên từ chối. Luật pháp không cho phép giảm bản án. Bản án bắt buộc tối thiểu này không phải là bản án tù chung thân bắt buộc mà không có khả năng được tha tù sớm như được nêu trong đoạn 6[n].
- _____ (dd) I am being **sentenced for two or more serious violent offenses** arising from separate and distinct criminal conduct and the sentences imposed on counts _____ and _____ will run consecutively unless the judge finds substantial and compelling reasons to do otherwise.
Tôi đang bị **kêu án về hai (hay nhiều hơn) tội sử dụng bạo lực trầm trọng liên quan đến các hành động phạm pháp riêng lẻ khác nhau, và bản án của các khoản tội số _____ và số _____ sẽ được thụ án tiếp nối trừ khi tòa thấy rằng có lý do rõ ràng và chính đáng là phải làm khác.
- _____ (ee) The offense(s) I am pleading guilty to include(s) a **Violation of the Uniform Controlled Substances Act in a protected zone enhancement or manufacture of methamphetamine when a juvenile was present** in or upon the premises of manufacture enhancement. I understand these enhancements are mandatory and that they must run consecutively to all other sentencing provisions.
****(Những) tội tôi nhận bị gia tăng mức phạt vì lý do vi phạm Luật về Các Chất Quốc Cấm trong khu vực được bảo vệ hoặc chế biến methamphetamine dưới sự hiện diện của một trẻ vị thành niên** tại nơi chế biến. Tôi hiểu rằng các điều khoản gia tăng là bắt buộc và thời hạn tù gia tăng này phải được thi hành nối tiếp theo tất cả những điều khoản khác trong bản án.
- _____ (ff) The offense(s) I am pleading guilty to include(s) a **deadly weapon, firearm, or sexual motivation enhancement**. Deadly weapon, firearm, or sexual motivation enhancements are mandatory, they must be served in total confinement, and they must run consecutively to any other sentence and to any other deadly weapon, firearm, or sexual motivation enhancements.
****(Những) tội tôi nhận bị gia tăng mức phạt vì lý do có vũ khí gây tử vong, súng ống, hay có mục đích tình dục**. Các điều khoản gia tăng mức phạt vì vũ khí gây tử vong, súng ống hay có mục đích tình dục đều là bắt buộc. Thời hạn tù gia tăng này phải được thi hành trọn vẹn trong tù và sẽ là thời gian tù nối tiếp theo bất cứ các bản án nào khác và theo sau bất cứ

- sự gia tăng nào khác vì có vũ khí gây tử vong, súng ống, hay có mục đích tình dục.
- _____ (gg) I am pleading guilty to (1) **unlawful possession of a firearm(s) in the first or second degree and (2) felony theft of a firearm or possession of a stolen firearm**, I am required to serve the sentences for these crimes consecutively to one another. If I am pleading guilty to **unlawful possession of more than one firearm**, I must serve each of the sentences for unlawful possession consecutively to each other.
 **Tôi nhận tội (1) có súng bất hợp pháp bậc một hay bậc hai và (2) tội đại hình vì trộm súng hay sở hữu súng đã bị mất cắp. Các bản án này bắt buộc phải được thi hành nối tiếp theo nhau. Nếu tôi nhận tội có nhiều hơn một khẩu súng bất hợp pháp, tôi sẽ phải thụ án nối tiếp cho mỗi tội có súng bất hợp pháp này.
- _____ (hh) I may be required to register as a felony firearm offender under RCW 9.41.330 and RCW 9.41.333. The specific registration requirements are in the “Felony Firearm Offender Registration” Attachment.
 **Tôi có thể sẽ bị buộc phải ghi danh là người phạm tội đại hình vì súng ống theo luật RCW 9.41.330 và RCW 9.41.333. Những yêu cầu cụ thể về việc ghi danh được liệt kê trong Phụ Lục “Tờ Ghi Danh Người Phạm Tội Đại Hình về Súng Ống”.
- _____ (ii) If I am pleading guilty to the crime of **unlawful practices in obtaining assistance** as defined in RCW 74.08.331, no assistance payment shall be made for at least six months if this is my first conviction and for at least 12 months if this is my second or subsequent conviction. This suspension of benefits will apply even if I am not incarcerated. RCW 74.08.290.
 **Nếu tôi nhận tội khai gian để hưởng trợ cấp theo định nghĩa của luật RCW 74.08.331, thì tôi sẽ không được phép nhận bất cứ khoản tiền trợ cấp nào trong vòng ít nhất sáu tháng nếu đây là lần đầu tiên bị kết án, và nếu bị kết án lần thứ hai trở đi thì thời gian bị cấm nhận trợ cấp sẽ là ít nhất 12 tháng. Việc đình chỉ hưởng trợ cấp này vẫn được thi hành dù tôi không bị tù. RCW 74.08.290
- _____ (jj) The judge may authorize **work ethic camp**. To qualify for work ethic authorization my term of total confinement must be more than twelve months and less than thirty-six months, I cannot currently be either pending prosecution or serving a sentence for violation of the uniform controlled substance act and I cannot have a current or prior conviction for a sex or violent offense. RCW 9.94A.690
 Tòa có thể cho tôi tham gia **lớp học các kỹ năng làm việc. Muốn vào lớp này, tổng thời gian giam tù của tôi phải hơn 12 tháng và dưới 36 tháng. Tôi không được tham dự lớp này nếu đang chờ sự truy tố hay đang thụ án vì vi phạm luật về các chất quốc cấm, hoặc nếu đã hay đang bị kết án về tội tình dục hoặc bạo lực RCW 9.94A.690.

7. I plead guilty to count(s) _____ as charged in the _____ Information, dated _____. I have received a copy of that Information and reviewed it with my lawyer.
 **Tôi nhận tội _____ theo giấy thông báo tội trạng _____ đề ngày _____. Tôi đã có bản sao của giấy thông báo tội trạng và luật sư đã giải thích cho tôi.
8. I make this plea freely and voluntarily.
 **Tôi nhận tội một cách tự do và tự nguyện.
9. No one has threatened harm of any kind to me or to any other person to cause me to make this plea.
 **Không có ai hăm dọa làm hại dưới bất cứ hình thức nào cho tôi hay cho bất cứ ai khác để khiến

tôi phải nhận tội này.

10. No person has made promises of any kind to cause me to enter this plea except as set forth in this statement.

**Không có ai hứa hẹn bất cứ điều gì để tôi nhận tội trừ những điều đã ghi trong giấy nhận tội này.

11. The judge has asked me to state what I did in my own words that makes me guilty of this crime.

This is my statement:

Instead of making a statement, I agree that the court may review the police reports and/or a statement of probable cause supplied by the prosecution to establish a factual basis for the plea.

**Tòa yêu cầu tôi viết ra bằng chính ngôn ngữ của tôi về việc tôi đã làm để phải bị tội này. Đây là lời khai của tôi:

**Thay vì viết lời khai, tôi đồng ý để tòa có thể xem biên bản của cảnh sát và/hoặc tờ khai xác định đủ lý do bắt tội từ phía biện lý để thiết lập căn cứ cho việc nhận tội.

12. My lawyer has explained to me, and we have fully discussed, all of the above paragraphs and the “Offender Registration” and/or “Felony Firearm Offender Registration” Attachment, if applicable. I understand them all. I have been given a copy of this “Statement of Defendant on Plea of Guilty.” I have no further questions to ask the judge.

**Luật sư của tôi đã giải thích cho tôi, và chúng tôi đã bàn bạc đầy đủ tất cả các đoạn trên cùng với các phụ lục “Tờ Ghi Danh Người Phạm Pháp” và “Tờ Ghi Danh Người Phạm Tội Đại Hình về Súng Ống” (nếu có), và tôi đã hiểu rõ tất cả. Tôi đã nhận một bản sao “Tờ Khai Của Bị Can Về Việc Nhận Tội” này. Tôi không có câu hỏi nào khác để hỏi tòa.

Defendant /**Bị can

I have read and discussed this statement with the defendant. I believe that the defendant is competent and fully understands the statement.

****Tôi đã đọc và bàn luận về văn kiện này với bị can và tin rằng bị can có đủ trí khôn và đã hiểu hoàn toàn văn kiện này.**

Prosecuting Attorney

****Biện lý**

Defendant's Lawyer

****Luật sư biện hộ**

Print Name

**** Ghi rõ tên**

WSBA No.

****Giấy hành nghề số**

Print Name

****Ghi rõ tên**

WSBA No.

Giấy hành nghề số

The defendant signed the foregoing statement in open court in the presence of the defendant's lawyer and the undersigned judge. The defendant asserted that [check appropriate box]:

****Bị can đã ký tờ khai trên trong một phiên tòa công khai trước mặt luật sư của bị can và chánh án ký tên dưới đây. Bị can đã quả quyết rằng (đánh dấu vào ô thích hợp):**

- (a) The defendant had previously read the entire statement above and that the defendant understood it in full;
****Bị can đã đọc toàn bộ tờ khai trên trước đây và hiểu hoàn toàn tờ khai này;**
- (b) The defendant's lawyer had previously read to him or her the entire statement above and that the defendant understood it in full; or
****Luật sư của bị can đã đọc toàn bộ tờ khai trên cho bị can và bị can hiểu hoàn toàn tờ khai này; hay**
- (c) An interpreter had previously read to the defendant the entire statement above and that the defendant understood it in full. The Interpreter's Declaration is included below.
****Một thông dịch viên đã đọc cho bị can toàn bộ tờ khai trên và bị can hiểu hoàn toàn. Dưới đây là tuyên bố của thông dịch viên.**

Interpreter's Declaration: I am an AOC court certified Vietnamese interpreter in the state of Washington. I have translated and read this document for the defendant from English into Vietnamese. The defendant has acknowledged his or her understanding of both the translation and the subject matter of this document. I certify under penalty of perjury under the laws of the state of Washington that the foregoing is true and correct.

**** Tuyên bố của Thông dịch viên:** Tôi là thông dịch viên hữu thệ tại tiểu bang Washington được Phòng Quản Trị các toà án chứng nhận. Tôi đã phiên dịch và thông dịch văn kiện này từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Bị can đã công nhận rằng đã hiểu rõ phần phiên dịch và nội dung của văn kiện này. Tôi cam đoan trước

pháp luật của tiểu bang Washington là những gì nêu trên đều là sự thực và chính xác.

Signed at (city) _____, (state) _____, on (date) _____.
**Ký tại (thành phố) (tiểu bang) vào (ngày)

Interpreter /**Thông dịch viên

Print Name/ **Viết rõ tên

I find the defendant's plea of guilty to be knowingly, intelligently and voluntarily. Defendant understands the charges and the consequences of the plea. There is a factual basis for the plea. The defendant is guilty as charged.

**Tôi thấy rằng bị can đã nhận tội một cách có hiểu biết, sáng suốt và tự nguyện. Bị can hiểu rõ tội trạng và hậu quả của việc nhận tội. Lời nhận tội có đầy đủ căn cứ. Bị can có tội theo cáo trạng.

Dated: _____

**Ngày:

Judge/Chánh Án**